

Bản án số: 751/2021/DS-PT  
Ngày: 31/12/2021  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng thuê  
tài sản, tín dụng, dịch vụ*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phan Thị Tú Oanh**

Các Thẩm phán: 1. **Ông Lê Ngọc Tường**

2. **Bà Nguyễn Thị Lan Hương**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Thọ, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông **Nguyễn Văn Hoàng**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/DSPT ngày 23/02/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản, tín dụng, dịch vụ*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 380/2020/DS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4597/2021/QĐPT-DS ngày 02/12/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Phương Đ (có mặt)

Địa chỉ: Lô A1, lầu 8, Phòng 8.01, chung cư H (H Gold House), xã Phước K, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Công ty cổ phần Đ;

Địa chỉ: Số 22 đường Phùng Khắc Khoan, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Như H, địa chỉ: Số 133B đường Âu Cơ, Phường Y, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/2021/UQ ngày 12/5/2021)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Đặng Quang H, địa chỉ: Lô A1, lầu 8, Phòng 8.01, chung cư H (H Gold House), xã Phước K, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Phương Đ, địa chỉ: Lô A1, lầu 8, Phòng 8.01, chung cư H (H Gold House), xã Phước K, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 26/6/2017) (có mặt)

3.2. Ông Đặng Tổ K, địa chỉ: Tổ 8C, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

3.3. Ông Võ Thành L, địa chỉ: Số 229/16/8 đường Tây Thanh, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

3.4. Công ty TNHH Q; địa chỉ trụ sở: Số K-05-01, khu biệt thự T, đường Nguyễn Văn Tỏ, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người đại diện hợp pháp*: Ông Nguyễn Quyết T, địa chỉ: Số 18D, khu phố 5, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Là người đại diện theo pháp luật - Giám đốc Công ty TNHH Q (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3.5. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại A.M.C; địa chỉ trụ sở: Số 132 - 134 đường Yersin, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp*:

+ Ông Nguyễn Quốc H, địa chỉ: Số 91Bis/6 đường Nguyễn Khoái, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo pháp luật – Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại A.M.C

+ Ông Huỳnh Thế T, địa chỉ: Số 007 Lô A khu nhà ở Quân đội, số 468 đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 18/8/2014) (Vắng mặt);

3.6. Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng Hạ, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội; địa chỉ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng giao dịch P: Số 87B đường Bùi Thị Xuân, phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp*: Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Số 595/113 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo uỷ quyền. (có mặt)

3.7. Ông Đào Xuân V, sinh năm 1953 (đã chết ngày 03/02/2016 theo trích lục khai tử số 08/TLKT-BS ngày 04/2/2016 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đào Xuân V*:

+ Bà Lương Thị L (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

+ Ông Đào Quang V1 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

+ Ông Đào Quốc V2 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Cùng địa chỉ: B4 tổ 17 B2, khu phố 2, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3.8. Bà Đào Thị Thanh V4, địa chỉ: Khu phố 1, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn – Trần Thị Phương Đ trình bày:

Bà là chủ sở hữu chiếc xe ô tô hiệu Misubishi Jolie biển số 52Y-3036, ngày 12/12/2007 bà có ký hợp đồng cho Công ty cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) thuê xe với giá 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Công ty Đ sử dụng xe kinh doanh dịch vụ vận chuyển đã xảy ra tai nạn giao thông; sau khi xảy ra tai nạn bà đã liên hệ với Công ty nhiều lần nhưng không được giải quyết, cụ thể Công ty không sửa chữa xe và từ ngày 15/6/2008 không thanh toán cho bà tiền thuê xe. Do đó bà khởi kiện yêu cầu:

- Công ty Đ phải sửa chữa chiếc xe ô tô hiệu Misubishi Jolie biển kiểm soát 52Y-3036 theo hiện trạng ban đầu;

- Trả lại cho bà xe ô tô hiệu Misubishi Jolie biển kiểm soát 52Y-3036, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/5/2005 và thanh toán tiền thuê xe hàng tháng là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ tháng 6/2008 đến khi bàn giao xe.

Ngày 16/7/2019 bà Đ có đơn thay đổi yêu cầu Tòa án giải quyết thanh lý Hợp đồng thuê xe ký ngày 12/12/2007 giữa bà với Công ty Đại Nam Việt; Công ty Đ phải bồi thường cho bà trị giá xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036 là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng và thanh toán tiền thuê xe 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng thời gian từ tháng 06/2008 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm; thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị Phương Đ yêu cầu thanh lý Hợp đồng thuê khoán tài sản ngày 12/12/2007; Công ty Đ phải bồi thường cho bà trị giá xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036 là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng và thanh toán tiền thuê xe trong thời gian còn hợp đồng từ tháng 6/2008 đến tháng 12/2008 là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng, thời gian từ tháng 01/2009 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng.

Trong các bản khai người đại diện hợp pháp của bị đơn – Công ty cổ phần Đ trình bày:

Công ty Đ có ký hợp đồng thuê xe của bà Trần Thị Phương Đ thời gian thuê trả tiền đầy đủ; Công ty Đ đã sử dụng xe của bà Đ vào kinh doanh dịch vụ cho thuê xe và giao cho ông Võ Thành L là người Công ty Đ thuê để lái xe này, trong thời gian ông L lái xe đã xảy ra tai nạn; giữa bà Đ, Công ty Đ, Công ty TNHH Q (gọi tắt là Công ty Q) và ông K đã thống nhất giao xe cho Công ty Q sửa chữa; do đó, Công ty Đ không đồng ý với các yêu cầu của bà Đ.

- Trong đơn yêu cầu độc lập và bản khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N trình bày:

Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Phương Đ trả cho Ngân hàng số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200501032 ngày 26/5/2005 tạm tính đến ngày 15/10/2020 là 514.987.056 (Năm trăm mười bốn triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn không trăm năm mươi sáu) đồng; trong đó tiền gốc là 173.480.000 (Một trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng, tiền lãi trong hạn là 235.535.137 (Hai trăm ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn một trăm ba mươi bảy) đồng, tiền lãi quá hạn là 105.971.919 (Một trăm lẻ năm triệu chín trăm bảy mươi một nghìn chín trăm mười chín) đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 15/10/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà Trần Thị Phương Đ không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản cầm cố là chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036 (đã sửa chữa) theo Hợp đồng cầm cố số 343 HĐCC ngày 25/5/2005 và thu hồi các khoản tiền cho thuê xe để thanh toán khoản nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Đ trả cho Ngân hàng số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200501032 ngày 26/5/2005 tính đến ngày 22/12/2020 là 519.474.560 (Năm trăm mười chín triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi) đồng; bao gồm tiền gốc là 173.480.000 (Một trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng, tiền lãi trong hạn là 238.466.139 (Hai trăm ba mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm ba mươi chín) đồng, tiền lãi quá hạn là 107.528.421 (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi một) đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 23/12/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Ngân hàng thống nhất với yêu cầu của bà Đ đòi Công ty Đ bồi thường trị giá chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie biển số 52Y-3036 là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, số tiền này là tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200501032 ngày 26/5/2005 nên Ngân hàng yêu cầu được nhận để thu hồi nợ.

- Trong đơn yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại A.M.C (gọi tắt là Công ty A.M.C) trình bày:

Công ty A.M.C yêu cầu Tòa án buộc Công ty Q phải trả cho Công ty A.M.C chi phí vận chuyển và trông giữ xe tạm tính từ ngày 04/9/2008 đến ngày 04/9/2015 là 79.050.000 (Bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng cụ thể: Phí vận chuyển là 2.400.000 đồng (800.000 đồng x 3 lần) và phí trông giữ xe 07 năm là 76.650.000 đồng (30.000 đồng/ngày x 2.555 ngày). Ngày 05/5/2016 Công ty A.M.C thay đổi yêu cầu bà Trần Thị Phương Đ phải trả cho Công ty A.M.C số tiền 79.050.000 (Bảy mươi chín triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng, nếu bà Đ đồng ý giao chiếc xe cho Công ty A.M.C để tự tháo dỡ, thu hồi phụ tùng còn sử dụng được phục vụ cho việc kinh doanh, Công ty A.M.C sẽ không yêu cầu bà Đ trả bất kỳ khoản tiền nào và rút đơn khởi kiện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 380/2020/DS-ST ngày 22/12/2020 Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Thanh lý Hợp đồng thuê khoán tài sản ký ngày 12 tháng 12 năm 2007 giữa bà Trần Thị Phương Đ và Công ty cổ phần Đ.

Buộc Công ty cổ phần Đ bồi thường cho bà Trần Thị Phương Đ trị giá xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036 là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng và trả cho bà Đ tiền thuê xe từ tháng 06/2008 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 772.500.000 (Bảy trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 1.022.500.000 (Một tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Số tiền 250.000.000 000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng Công ty cổ phần Đ bồi thường cho bà Trần Thị Phương Đ được xác định là tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200501032 ngày 26/5/2005, thay thế chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie biển số 52Y-3036 theo Hợp đồng cầm cố số 343 HĐCC ngày 25 tháng 5 năm 2005.

Sau khi bồi thường cho bà Trần Thị Phương Đ số tiền 250.000.000 000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, Công ty cổ phần Đ được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu chiếc xe ô tô biển số 52Y-3036 theo quy định của pháp luật.

## 2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng N;

Buộc bà Trần Thị Phương Đ trả cho Ngân hàng N số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200501032 ngày 26/5/2005 tính đến ngày 22/12/2020 là 519.474.560 (Năm trăm mười chín triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi) đồng; bao gồm tiền gốc là 173.480.000 (Một trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi nghìn) đồng, tiền lãi trong hạn là 238.466.139 (Hai trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi sáu nghìn, một trăm ba mươi chín) đồng và tiền lãi quá hạn là 107.528.421 (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng N được nhận số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng do Công ty cổ phần Đ bồi thường trị giá xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036 cho bà Trần Thị Phương Đ để cân trừ vào số tiền nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-200501032 ngày 26/5/2005. Sau khi nhận tiền Ngân hàng N có trách nhiệm giao cho Công ty cổ phần Đ các giấy tờ đã giữ của chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036 theo Hợp đồng cầm cố số 343 HĐCC ngày 25 tháng 5 năm 2005.

## 3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại A.M.C đòi bà Trần Thị Phương Đ phải trả số tiền phí vận chuyển và trông giữ xe là 79.050.000 (Bảy mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Giành quyền khởi kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho các đương sự nếu có tranh chấp liên quan đến chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, bị đơn Công ty cổ phần Đ kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện bị đơn bà Nguyễn Thị Như H trình bày Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng, đề nghị hủy án.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N Ông Nguyễn Văn T trình bày: đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Hủy bản án sơ thẩm số 380/DSST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận X .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Đ làm đúng hình thức, trong hạn luật định, nên được công nhận về mặt hình thức.

[2] Về nội dung :

Qua xem xét hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn Trần Thị Phương Đ, tài liệu chứng cứ và lời khai của người đại diện bị đơn Công ty Đ, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành L, tài liệu chứng cứ và lời khai của người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Q, Công ty AMC cho thấy: Hợp đồng thuê xe ký ngày 12/12/2007, theo đó nguyên đơn bà Trần Thị Phương Đ cho bị đơn Công ty Đ thuê xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036, thời hạn hợp đồng 1 năm, hết hạn vào ngày 12/12/2008 và hai bên không tiếp tục tái ký hợp đồng.

Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, Công ty Đ giao xe cho tài xế Võ Thành L lái, đến ngày 27/2/2008 chiếc xe nêu trên bị tài xế Đặng Tổ K của Công ty Q gây tai nạn, vụ án đã được khởi tố hình sự. Xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036 được định giá thiệt hại là 128.778.000 (Một trăm hai mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn) đồng, sau tai nạn được giao về kho xưởng của Công ty AMC giữ.

Do Công ty Công ty Đ không sửa chữa xe và từ ngày 15/6/2008 không thanh toán cho bà Đ tiền thuê xe. Do đó bà Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền thuê xe cho đến ngày giao xe, phải sửa chữa chiếc xe ô tô. Sau đó bà thay đổi yêu cầu buộc Công ty Đ thanh toán tiền thuê xe và phải bồi thường cho bà trị giá xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie, biển số 52Y-3036 là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Ngày 30/10/2009, tài xế K đã bị Tòa án nhân dân quận B xử về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Cũng tại phiên tòa nêu trên, bà Đ, Công ty Đ, Công ty Q thỏa thuận giao xe cho Công ty Q sửa chữa, Tòa án công nhận thỏa thuận tại phần dân sự của bản án số 323/2009/HSST. Thỏa thuận đã được Tòa án công nhận tại bản án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với tất cả các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Như vậy, kể từ thời điểm có hiệu lực thi hành của phần nội dung thỏa thuận nêu trên của bản án đã tuyên thì Công ty Đ không còn phải là người chiếm giữ tài sản, mà theo thỏa thuận chiếc xe được giao về cho Công ty Q sửa chữa nên Công ty Đ không còn nghĩa vụ trả tiền thuê xe kể từ thời điểm này.

Cũng kể từ thời điểm có hiệu lực thi hành của thỏa thuận, hậu quả thiệt hại tài sản xảy ra cũng như trách nhiệm về hậu quả xảy ra còn phải căn cứ vào lỗi của các bên khi thực hiện thỏa thuận chứ không phải chỉ căn cứ vào nội dung hợp đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm hoàn toàn dựa vào nội dung hợp đồng để xem xét yêu cầu của nguyên đơn mà không thu thập chứng cứ về thời điểm có hiệu lực của bản án hoặc của phần nội dung thỏa thuận; không thu thập chứng cứ về hậu quả thiệt hại xảy ra cho nguyên đơn kể từ sau khi thỏa thuận không được thực hiện bởi hậu quả thiệt hại tại thời điểm xảy ra tai nạn đã được định giá hoàn toàn khác với thiệt hại trong thời gian kéo dài sau khi thỏa thuận không được thực hiện dẫn đến nguyên đơn phải thay đổi yêu cầu từ yêu cầu sửa chữa tài sản sang yêu cầu bồi thường trị tài sản; không thu thập chứng cứ lỗi của các bên không thực hiện nội dung đã thỏa thuận, mối liên hệ nhân quả giữa hậu quả và hành vi vi phạm; đặc biệt do liên quan đến trách nhiệm của nhiều bên dẫn đến hậu quả thiệt hại về tài sản của nguyên đơn nên cần phải làm rõ yêu cầu của nguyên đơn đối với ai, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của nguyên đơn và đảm bảo đúng người có trách nhiệm phải hoàn trả, bồi thường.

Như vậy, để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, Tòa án cấp phúc cần hủy bản án để Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Án phí phúc thẩm : Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận và bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Đ

Hủy bản án sơ thẩm số 380/2020/DSST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự - thuê tài sản, tín dụng, dịch vụ” giữa nguyên đơn Bà Trần Thị Phương Đ với bị đơn Công ty cổ phần Đ;

1.1 Giao hồ sơ đến Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

1.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phan Thị Tú Oanh**